TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 4**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 24 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Hồ Nguyễn Quân;
Các Hội thẩm quân nhân:
2// Trần Văn Trung;
2// Nguyễn Đăng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Minh Cương - Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4;

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 tham gia phiên tòa: 4/ Thành Luân và 3/ Trần Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn H, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15 tháng 6 năm 2000 tại huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn ĐAV, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 4; có mặt.

2. Lê Trọng T, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14 tháng 10 năm 1999 tại huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn NĐV, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; ngày 15/9/2022 bị Tòa án nhân dân huyện HH tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm 02 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2022 đến nay, hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5 Cục C10 Bộ Công an; có mặt.

3. Lê Gia N, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 29 tháng 9 năm 2003 tại huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Gia P và bà Lê Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Lê Xuân H1, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 08 tháng 4 năm 2004 tại huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn ĐAV, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H (đã chết) và bà Lê Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Hoàng Huy T1, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15 tháng 7 năm 2004 tại huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn XT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy D và bà Đỗ Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*: Lê Hữu H2; sinh ngày: 04/9/1983; nơi cư trú: Phố TC, Thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 1//, Chánh Văn phòng, Xí nghiệp Lam Kinh, Tổng Công ty KTKTCNQP TCCNQP; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bảo hiểm xã hội BQP, địa chỉ: 34C TP, BĐ, Hà Nội; vắng mặt.

- *Những người làm chứng*:

+ Lê Thu H; vắng mặt.
+ Nguyễn Thị T; có mặt.
+ Lê Thị H; có mặt.
+ Lê Khả P; có mặt.
+ Lê Thị H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11/11/2021, Lê Xuân H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B7-598.14 chở Dương Văn H đến uống nước tại ngã tư xã HL huyện HH tỉnh Thanh Hóa. Khoảng 15 phút sau, Hoàng Huy T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B5-542.02 chở Lê Gia N (T1 và N là bạn của H1) đến quán ngồi uống nước cùng H1 và H. Ngồi được khoảng 15 phút, H1 điều khiển xe mô-tô chở H, T1 điều khiển xe mô-tô chở N vào nhà Lê Trọng T đón T cùng đi lên thành phố TH chơi. Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày khi đi đến đoạn đường trước cổng Công ty Cổ phần ô-tô 19/5 (Số 280 đường BT, phường ĐT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa) H nói với T1"Em đi lên chặn cái đầu xe anh kia cái". T1 nghe theo lời nói của H vượt lên chặn đầu xe mô-tô biển kiểm soát 36R7-7944 do quân nhân Lê Hữu H2 đang điều khiển khiến anh H2 phải dừng xe lại. Sau đó, H dùng tay trái hất mũ bảo hiểm anh H2 ra phía sau, T lao

vào dùng tay phải đấm 01 cái vào đầu, dùng chân phải đá 01 cái vào vùng lưng của quân nhân H2, H dùng tay phải đánh 02 cái vào má bên trái, N dùng tay phải đánh 02 cái vào lưng 01 cái vào đầu, H1 dùng tay phải đánh 01 cái vào má phải và 01 cái vào vùng gáy. Anh H2 ôm đầu hô hoán mọi người, thì N lên xe T1, H và T lên xe H1, bỏ chạy về hướng thành phố TH. Hậu quả: Quân nhân Lê Hữu H2 bị thương, được điều trị tại Bệnh viện Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa huyện QX tỉnh Thanh Hoá. Kết quả giám định, tại thời điểm giám định, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với quân nhân Lê Hữu H2 là 12%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 828/2021/TTPY ngày 14/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Hữu H2 là 12%;

Bản kết luận giám định thương tích bổ sung số 455/GĐ-TTPY ngày 14/4/2022 của Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận: Các vết thương vùng đỉnh phải, giữa đỉnh đầu do vật tày có cạnh gây nên. Các chạm thương vùng chẩm, mặt, gáy do vật tày gây nên. Chiều hướng tác động nên các thương tích và các chạm thương là từ ngoài vào trong.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 truy tố bị cáo Dương Văn H và các đồng phạm về tội: "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Lê Xuân H1 khai: Khoảng 15 giờ, ngày 11/11/2021 bị cáo điều khiển xe mô-tô chở H ra ngã tư xã HL uống nước, được 15 phút thì T1 và N đi qua nên bị cáo gọi vào uống nước cùng, sau đó bị cáo qua đón T rồi cả nhóm cùng đi lên phố. Quá trình đi có dừng 01 lần để bị cáo H gặp một người nào đó và 01 lần dừng để xe của T1 đổ xăng. Đến khoảng 16 giờ 45 phút, khi đi đến trước cổng Công ty cổ phần ô tô 19/5 thì xảy ra sự việc. Bị cáo H là người khởi xướng và nhờ các bị cáo đánh anh H2, không có việc va chạm giao thông với xe anh H2, bị cáo dùng tay đánh 01 cái vào má, 01 cái vào gáy anh H2. Sau đó vài hôm bị cáo H có nói với bị cáo có L nhờ đánh anh H2.

Bị cáo Lê Gia N khai: Bị cáo không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì về lời khai của bị cáo H1 tại phiên tòa, bị cáo dùng tay đánh anh H2 02 cái vào lưng và 01 cái vào đầu. Nguyên nhân đánh anh H2 là do khi đi đường bị cáo H có nhờ bị cáo là khi nào có đánh nhau thì vào đánh giúp H vài cái.

Bị cáo Hoàng Huy T1 khai: Bị cáo không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì về lời khai của bị cáo H1 và bị cáo N. Bị cáo chặn xe để đánh anh H2 là do bị cáo H nhờ. Sau khi các bị cáo đánh anh H2 xong thì bị cáo dùng xe mô-tô chở bị cáo N bỏ chạy.

Bị cáo Lê Trọng T khai: Bị cáo không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì về lời khai của các bị cáo H1, N và T1. Bị cáo dùng tay đánh anh H2 01 cái vào đầu và dùng chân phải đá 01 cái vào lưng. Nguyên nhân bị cáo đánh anh H2 là do bị cáo H nhờ, bị cáo đánh anh H2 đầu tiên sau đó là bị cáo H và bị cáo N.

Bị cáo Dương Văn H khai: Khoảng 15 giờ, ngày 11/11/2021 bị cáo cùng bị cáo H1 đến ngã tư xã HL uống nước, sau đó có N và T1 đến ngồi uống nước cùng, uống nước xong cả nhóm thống nhất đi dạo. Khi đi qua nhà Lê Trọng T thì đón T cùng đi và cả nhóm đi lên thành phố TH. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày khi đến trước

cổng Công ty ô tô 19/5 thì có xảy ra va chạm giữa xe của H1 và xe của anh H2. Bị cáo nói T1 lên chặn xe anh H2 lại, sau đó xuống xe lật mũ bảo hiểm anh H2 ra sau, bị cáo tát 02 cái vào má anh H2. Bị cáo không quen biết đối tượng L, không có ai nhờ, thuê đánh anh H2.

Bị hại anh Lê Hữu H2 khai: Vào sáng ngày 11/11/2021, tôi có mâu thuẫn lời qua tiếng lại với đồng nghiệp liên quan đến công tác phòng chống dịch Covid-19. Khoảng 16 giờ 30 phút khi hết giờ làm, tôi về nhà trên người vẫn đang mặc quân phục, khi đến đoạn gần cổng Công ty Cổ phần ô tô 19/5 thì thấy 01 xe mô-tô, trên xe có 02 người nam giới đi vượt lên và ép xe tôi vào dải phân cách, đồng thời có 01 xe nữa chở 03 người đi đến chặn đầu xe tôi và dừng lại. Tôi thấy có 01 đối tượng hất mũ bảo hiểm của tôi ra đằng sau, đồng thời có mấy người tiến đến đánh tôi. Tôi thấy vậy liền ôm đầu, sau đó vùng dậy bỏ chạy và hô hoán mọi người.

Những người làm chứng Nguyễn Thị T, Lê Khả P, Lê Thị H đều có lời khai: Sau khi sự việc xảy ra có 01 đối tượng tên là L đến nhà và nhận là nhờ H đánh anh H2 và hứa sẽ lo cho H.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng Lê Thu H có lời khai: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 11/11/2021, tôi đang trên đường đi làm về nhà, khi đến đoạn Công ty 19/5 thì nhìn thấy anh H2 bị 04 nam thanh niên khoảng 18 đến 20 tuổi đi hai xe mô-tô không đội mũ bảo hiểm và có đeo khẩu trang ép xe anh H2 ngã xuống đường, bốn nam thanh niên dùng tay, chân đấm đá nhiều cái vào mặt và đầu anh H2 rồi lên xe bỏ chạy.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Dương Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Trọng T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của bản án số 56/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Gia N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Xuân H1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Áp dụng điểm đ khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Hoàng Huy T1 từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường tổn hại sức khỏe, tinh thần, chi phí cấp cứu, điều trị giữa các bị cáo với bị hại là 150.000.000 đồng, cụ thể: Dương Văn H số tiền 50.000.000 đồng, các bị cáo Lê Trọng T, Lê Xuân H1, Lê Gia N, Hoàng Huy T1 mỗi bị cáo 25.000.000 đồng và việc các bị

cáo tự nguyện bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội BQP chi phí điều trị thương tích của quân nhân H2, cụ thể: Dương Văn H số tiền là 1.740.800 đồng, các bị cáo: T, H1, N và T1 mỗi bị cáo 1.300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc Cơ quan Điều tra hình sự khu vực, TCCNQP trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm sát 36B7-598.14 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật; đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ vụ án 03 chiếc USB và 01 đĩa DVD ghi âm hỏi cung.

Tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến gì khác.

Bị hại Lê Hữu H2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo, về phần dân sự đã thỏa thuận đền bù xong không có yêu cầu gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo rất ân hận về hành vi sai phạm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận và trình bày về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 15 giờ, ngày 11/11/2021, sau khi ngồi uống nước tại khu vực ngã tư xã HL huyện HH tỉnh Thanh Hóa, Dương Văn H, Lê Trọng T, Lê Xuân H1, Lê Gia N và Hoàng Huy T1 rủ nhau lên thành phố TH chơi, quá trình di chuyển Lê Xuân H1 chở phía sau là Dương Văn H và Lê Trọng T, Hoàng Huy T1 chở phía sau là Lê Gia N. Đến khoảng 16 giờ 45 phút, khi đến đoạn đường trước cổng Công ty Cổ phần ô-tô 19/5, bị cáo H nhờ các bị cáo khác cùng đánh anh H2 và nói với bị cáo T1 chặn đầu xe anh H2 lại. Khi thấy xe quân nhân H2 dừng lại, Dương Văn H xuống xe đi lại dùng tay trái hất mũ bảo hiểm anh H2 ra phía sau, đồng thời cùng các bị cáo Lê Trọng T, Lê Gia N và Lê Xuân H1 lao vào dùng tay chân đánh anh H2. Khi anh H2 ôm đầu và hô hoán mọi người thì N lên xe T1, H và T lên xe H1 bỏ chạy về hướng thành phố TH. Hậu quả: Quân nhân H2bị thương tích 12%.

Các bị cáo hoàn toàn không có bất cứ mối quan hệ quen biết hay mâu thuẫn gì với bị hại, tuy nhiên lại vô cớ đánh người, gây thương tích cho bị hại là 12%. Hành vi của các bị cáo đã thể hiện tính chất côn đồ, hung hăng, thách thức, xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi trên của các bị

cáo đã thỏa mãn quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Các bị cáo Dương Văn H, Lê Trọng T, Lê Gia N là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Lê Xuân H1 và bị cáo Hoàng Huy T1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhưng các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tất cả các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện và cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có nhiều đối tượng tham gia nhưng chỉ ở mức độ đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức, bàn bạc, phân công và câu kết chặt chẽ. Trong đó, bị cáo H là người khởi xướng, nhờ các bị cáo khác đánh anh H2 và là người thực hành tích cực nên xếp vai trò thứ nhất. Bị cáo Trọng T là người đầu tiên đánh anh H2 và là người thực hành tích cực sau bị cáo H nên xếp vai trò thứ hai. Bị cáo N là người thực hành tích cực đánh anh H2 sau bị cáo T nên xếp vai trò thứ ba. Bị cáo H1 là người thực hành tích cực sau bị cáo N nên xếp vai trò thứ tư trong vụ án, bị cáo Hoàng Huy T1 mặc dù không tham gia trực tiếp đánh anh H2 nhưng khi được bị cáo H nhờ chặn xe để đánh anh H2, bị cáo đã chặn ép xe của bị hại và sau đó chở bị cáo N bỏ chạy nên xếp vai trò thứ yếu và thấp nhất trong vụ án. Các bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 khoản 3 Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với tất cả các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà tất cả các bị cáo đều được hưởng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, 04 bị cáo: T, N, H1 và T1 đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo trên được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa có lời khai không thống nhất gây khó khăn, cản trở cho hoạt động điều tra vụ án, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Tại phiên tòa, bị hại là anh H2 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo, do vậy các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cả 05 bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo: H, N, H1 và T1 là người có nhân thân tốt. Bị cáo

H1 và bị cáo T1 khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, tại thời điểm xét xử sơ thẩm các bị cáo đã đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử sẽ có xem xét, cân nhắc khi lượng hình.

[5] Từ các nhận định trên, sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, độ tuổi, khả năng nhận thức của các bị cáo, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù đối với tất cả các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình xã hội và cũng là để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, qua đó góp phần làm ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương và đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. Đối với bị cáo H1 và bị cáo T1, do khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử căn cứ Chương XII của Bộ luật Hình sự quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xét xử đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H1 và bị cáo T1.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH tỉnh Thanh Hóa, xử phạt bị cáo Lê Trọng T 07 năm 02 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/01/2022 (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Huy T1 của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo T1 không tham gia trực tiếp vào việc đánh anh H2, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, giữ vai trò thứ yếu và thấp nhất trong vụ án, do đó đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Đối với đối tượng Nguyễn Tiến L (sinh năm 1991, trú tại thôn QN2, phường LA, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa), quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định không liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, có căn cứ cho thấy bị cáo H và đối tượng Nguyễn Tiến L có mối quan hệ với nhau và có liên quan đến vụ án nhưng qua xác minh hiện đối tượng Nguyễn Tiến L không có mặt ở địa phương nơi cư trú. Mặt khác, tại phiên tòa, qua lời khai của bị cáo H1 và một số lời khai của bị cáo H trong hồ sơ khai có người tên L nhờ đánh quân nhân H2 (nhưng không cung cấp được đầy đủ họ tên và địa chỉ) và trong quá trình trên đường đi gây thương tích cho quân nhân H2 thì bị cáo H có gặp một người đàn ông lạ mặt (không xác định được danh tính) có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ kiến nghị bằng văn bản với Cơ quan điều tra để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, tất cả các bị cáo đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại anh Lê

Hữu H2 với tổng số tiền là 150.000.000 đồng (theo biên bản thỏa thuận bồi thường lập ngày 24/02/2023), trong đó: đại diện gia đình bị cáo Dương Văn H (sau khi được bị cáo H tác động) bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng, đại diện gia đình bị cáo Lê Trọng T (sau khi được bị cáo tác động) bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng, các bị cáo: Lê Gia N, Lê Xuân H1, Hoàng Huy T1 mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng, bị hại anh H2 đã nhận đủ số tiền trên và tại phiên tòa không có ý kiến, yêu cầu gì khác, xét thấy thỏa thuận giữa các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Bảo hiểm xã hội BQP, quá trình điều tra đã có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn tổng số tiền đã chi trả cho các Bệnh viện trong quá trình cấp cứu, điều trị cho bị hại là 6.940.862 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí bồi hoàn và không có ý kiến gì. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586, 587, khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc tất cả các bị cáo phải liên đới bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng số tiền là 6.940.862 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện thống nhất vấn đề bồi hoàn (theo biên bản thỏa thuận lập ngày 24/02/2023), theo đó: đại diện gia đình bị cáo H (sau khi được bị cáo tác động) bồi hoàn số tiền là 1.740.862 đồng (làm tròn là 1.740.800 đồng), đại diện gia đình bị cáo T (sau khi được bị cáo tác động) cùng các bị cáo: N, H1 và T1 mỗi bị cáo bồi hoàn số tiền là 1.300.000 đồng, các bị cáo và đại diện gia đình đã nộp số tiền bồi hoàn trên tại Phòng Thi hành án QK4 (theo các biên lai nộp tiền ngày 24/02/2023) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 36B7-59814 là phương tiện bị cáo Lê Xuân H1 sử dụng, quá trình điều tra xác định là xe của bà Lê Thị H (là mẹ bị cáo H1), bà H không biết việc bị cáo H1 điều khiển xe mô tô của mình vào ngày 11/11/2021 và tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ngày 21/4/2022, Cơ quan điều tra khu vực, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Đối với 03 phong bì có chứa 03 chiếc USB đã được niêm phong và 01 đĩa DVD ghi âm hỏi cung, xét thấy 03 chiếc USB và 01 đĩa DVD chứa chứng cứ ghi lại hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan tố tụng thu thập theo trình tự thủ tục, quy định của pháp luật, có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội nên cần chuyển làm tài liệu lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2, Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn H, Lê Gia N, Lê Trọng T, Lê Xuân H1 và Hoàng Huy T1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn H 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/4/2022).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trọng T 02 (Hai) năm 10 (Mười) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 07 (Bảy) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HSST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện HH tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo Lê Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Gia N 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân H1 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Huy T1 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại

Ghi nhận các bị cáo Dương Văn H, Lê Trọng T, Lê Gia N, Lê Xuân H1 và Hoàng Huy T1 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại Lê Hữu H2 với tổng số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó: bị cáo Dương Văn H bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), các bị cáo Lê Trọng T, Lê Gia N, Lê Xuân H1 và Hoàng Huy T1 mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận các bị cáo đã thống nhất vấn đề bồi hoàn và nộp tổng số tiền là 6.940.800 đồng (Sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng) tại Phòng Thi hành án QK4 (theo biên bản thỏa thuận và các biên lai nộp tiền ngày 24/02/2023) để bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội BQP, trong đó: bị cáo Dương Văn H nộp số tiền là 1.740.800 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng), các bị cáo Lê Trọng T, Lê Xuân H1, Lê Gia N và Hoàng Huy T1 mỗi bị cáo nộp số tiền là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Dương Văn H, Lê Trọng T, Lê Gia N, Lê Xuân H1 và Hoàng Huy T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/3/2023) đối với các bị cáo, bị hại và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 4./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSQSQK4;
- VKSQSKV41;
- ĐTHSKV TCCNQP;
- Cơ quan THAHSQK4;
- Phòng THAQK4;
- TTGQK4;
- TG số 5 Cục C10 BCA;
- TAQSTW;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1// Hồ Nguyễn Quân